

Bản án số: 199/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2021
V/v tranh chấp “không công nhận
quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trương; Bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Đặng Thành T**, sinh năm 1974; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ON, xã TT, thị xã GC, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: chị **Phạm Thị Mỹ H**, sinh năm 1975; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ON, xã TT, thị xã GC, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Đặng Thành T trình bày: Anh và chị Phạm Thị Mỹ H có tìm hiểu nhau trước, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống hạnh phúc nhiều năm, nhưng không đăng ký kết hôn, do không hiểu biết về pháp luật, khi sinh con vẫn làm giấy khai sinh cho con được nên không cần thiết phải đăng ký kết hôn. Năm 2003 Ủy ban nhân dân xã TT gọi lên đăng ký kết hôn, nhưng vợ chồng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn và cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Vợ chồng vẫn sống với nhau hạnh

phúc, anh T là lao động chính làm nghề buôn bán đồ gỗ, chị Hạnh nội trợ trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khi anh T phát hiện chị Hạnh có nhắn tin với người đàn ông khác, anh có yêu cầu chị Hạnh làm rõ, nhưng chị Hạnh không giải thích và bỏ nhà đi. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn tin tưởng lẫn nhau, cũng không quan tâm nhau. Nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh T với chị Hạnh là vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 10/9/1996; Đặng Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/8/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải Chị Phạm Thị Mỹ H là bị đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chồng chị trình bày là đúng. Vợ chồng chị chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do anh T không tin tưởng và thường xuyên bạo hành, chị Hạnh không còn tình cảm với anh T, và đã sống ly thân, nay chồng chị yêu cầu không công nhận giữa chị và anh T là vợ chồng chị cũng đồng ý.

Về con chung có 02 con như anh T trình bày;

Về tài sản chung: Vợ chồng chị chung sống hơn ba mươi năm ít nhiều cũng có tài sản nhưng chị tự nguyện để lại cho con chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; Nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Anh Đặng Thành T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Chị Phạm Thị Mỹ H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa anh Đặng Thành T và chị Phạm Thị Mỹ H vì *đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.*

Về con chung: anh chị có 02 con tên tên Đặng Minh T, sinh ngày 10/9/1996.; Đặng Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/8/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động được, không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét;

Về án phí sơ thẩm thì anh T chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đặng Thành T có đơn đề nghị giải quyết yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Thành T và chị Phạm Thị Mỹ H cùng địa chỉ ấp ON, xã TT, thị xã GC, TG theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG.

Anh Đặng Thành T và chị Phạm Thị Mỹ H đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: anh T và Chị Hạnh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Nay anh chị không thể hàn gắn tình cảm cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh chị là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T và chị Hạnh chung sống hạnh phúc thời gian dài, năm 2003 được UBND xã TT gọi lên để đăng kí kết hôn theo quy định. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và theo điểm b mục 3 nghị quyết 35/2000 là từ sau ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử không xem xét tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn có trầm trọng hay không trầm trọng, để có căn cứ cho ly hôn hay không cho ly hôn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mà cần xem xét giải quyết hậu quả giữa anh T và chị Hạnh chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con và tài sản giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhưng anh T, chị Hạnh không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con, tài sản.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con tên Đặng Minh T, sinh ngày 10/9/1996; Đặng Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/8/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động được, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét;

[5] Tuy nhiên cũng giải thích cho anh T, chị Hạnh và người dân được biết trường hợp nam, nữ đủ tuổi kết hôn, có đủ điều kiện để kết hôn thì phải đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình quy định thì sẽ được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng nếu nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng như trường hợp của anh T, chị Hạnh dù thời gian bao lâu đi nữa, nếu không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng.

[6] Về án phí: anh Đặng thành T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh TG phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b, Mục 3 nghị quyết số 35/2000/ QH10 của Quốc Hội Khóa X ngày 09/6/2000 Về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Thành T.

1. Về hôn nhân không công nhận anh Đặng Thành T và chị Phạm Thị Mỹ H là vợ chồng.

2. Về con chung: anh chị có 02 con chung Đặng Minh T, sinh ngày 10/9/1996; Đặng Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/8/2001 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: anh Đặng Thành T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006512 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC. Như vậy, anh Đặng Thành T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: anh Đặng Thành T và chị Phạm Thị Mỹ H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC;
- UBND xã TT, thị xã GC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư